

LÀNG THÊU ĐÔNG CỨU - MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

Bùi Quang Khánh¹

Tóm tắt: Bài viết vận dụng phương pháp nghiên cứu chứng thực lịch sử và so sánh chứng thực lịch sử để phân tích tính độc đáo của nghệ thuật thêu thủ công tại làng nghề Đông Cứu. Nghiên cứu quá trình phát triển của làng nghề nói chung, nghề thêu của thôn Đông Cứu nói riêng, là một vấn đề có ý nghĩa lý luận - lịch sử cấp thiết. Bên cạnh mục đích để bảo tồn nghề truyền thống, góp phần phát triển kinh tế, việc nghiên cứu, tìm hiểu nghề thủ công không chỉ là khơi dậy giá trị di sản, thành tựu văn hoá của các thế hệ đi trước, mà chính yếu là từ truyền thống đó cần tìm ra các nguyên nhân, cơ chế vận động, các mối quan hệ sinh thái, xã hội, kinh tế, đối với sự hình thành, tồn tại, biến đổi và phát triển để từ đó có căn cứ đưa ra hướng phát triển tiếp theo cho nghề thủ công truyền thống trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Từ khóa: nghề thêu truyền thống, làng nghề thủ công, di sản văn hoá

1. MỞ ĐẦU

Nghề thêu là một ngành nghề thủ công truyền thống đã có từ lâu đời tại Việt Nam. Sử sách ghi lại ngay từ thế kỷ I đã có sự xuất hiện của cờ thêu trong cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Tuy nhiên, nghề thêu chỉ thực sự được phổ biến và phát triển vào thế kỷ XVII dưới sự truyền nghề của ông tổ nghề thêu Lê Công Hành. Trong suốt tiến trình của lịch sử, mặc dù có những giai đoạn thăng trầm tùy thuộc vào cơ chế, chính sách từng thời kỳ, làng nghề Đông Cứu vẫn tiếp tục phát huy được nghề truyền thống của cha ông do có đội ngũ nghệ nhân và thợ có tay nghề cao. Nghệ thuật thêu của làng nghề Đông Cứu đã được sử dụng trên hệ thống các sản phẩm phục dựng lễ phục triều Nguyễn cũng như trên các trang phục thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu từ thời kỳ đổi mới. Họ có khả năng làm ra những mặt hàng tinh xảo, độc đáo bằng những kinh nghiệm và những bí quyết mà những làng cùng nghề không thể cạnh tranh nổi. Hơn thế nữa, làng nghề này sản xuất ra những mặt hàng đáp ứng được với nhu cầu tương đối ổn định của thị trường, thể hiện sự linh hoạt trong việc tiếp nhận các xu hướng về thẩm mỹ của xã hội. Qua đó, phần nào có thể đánh giá được các hướng phát triển hữu hiệu, phù hợp với nghề thủ công truyền thống

¹ Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp

trong bối cảnh toàn cầu hoá. Từ đầu thế kỷ XX đến nay có nhiều công trình nghiên cứu về các làng nghề của Bắc Bộ nói chung, nghề thủ truyền thống nói riêng, dưới nhiều góc độ khác nhau như xã hội học, khảo cổ học. Tuy nhiên những công trình này không đi sâu nghiên cứu về làng nghề Đông Cứu. Đây chính là hướng đi mà bài viết này muốn thực hiện.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

2.1.1. Công trình nghiên cứu về nghề thủ truyền thống

Cuốn sách Bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam, Nghề dệt nghề thủ cổ truyền Việt Nam của tác giả Bùi Văn Vượng phân tích quá trình phát triển của nghề thủ và một số làng nghề thủ qua các triều đại phong kiến.

Về nghề thủ của vùng Thường Tín, các tài liệu thường chỉ nhắc đến thôn Quất Động (là một làng thuộc Ngũ Xã xưa, gồm các thôn Đông Giai, Đông Cứu, Bình Lăng, Quất Động.) Trong cuốn sách Tổng tập nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam, Tập 5: Nghề đan lát, nghề thủ, dệt, nghề làm giấy, đồ mã và nghề làm tranh dân gian, tác giả Ngọc Vũ có bài nghiên cứu “Thủ Quất Động”, đề cập đến lịch sử của làng nghề này.

Hiện các tài liệu nghiên cứu chuyên biệt về nghề thủ truyền thống của làng Đông Cứu, xã Dũng Tiến, huyện Thường Tín hầu như chưa phổ biến.

2.1.2. Công trình nghiên cứu về ứng dụng nghề thủ của làng nghề Đông Cứu trên các sản phẩm phục dựng lễ phục triều Nguyễn

Tác giả Trịnh Bách (2003) có bài nghiên cứu “Phục chế trang phục cung đình triều Nguyễn”, tạp chí Huế di sản và cuộc sống, tr.113–120, trong đó đề cập đến quá trình làm việc với các nghệ nhân làng nghề Đông Cứu để từng bước phục dựng các áo lễ cung đình.

Sách “Trang trí trên áo lễ phục cung đình triều Nguyễn (1802– 1945)” của tác giả Vũ Huyền Trang (2022) có phần thực hiện nghiên cứu điền dã, trong đó phỏng vấn nghệ nhân Vũ Văn Giới là người đã trực tiếp thực hiện phục dựng một số áo lễ phục triều Nguyễn.

2.1.3. Công trình nghiên cứu về ứng dụng nghề thủ của làng nghề Đông Cứu trong trang phục thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu:

Tác giả Đoàn Thị Mỹ Hương có bài nghiên cứu “Cái đẹp và quyền lực trong tín ngưỡng thờ mẫu nhìn từ trang phục thanh đồng”, Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật số 443, tháng 11-2020, đã khảo sát tại làng nghề Đông Cứu, phỏng vấn một số nghệ nhân về nguyên tắc và sự phân biệt thứ hạng trang phục hầu đồng.

Trong Hội thảo khoa học quốc tế “Nghiên cứu thực hành tín ngưỡng trong xã hội đương đại (Trường hợp tín ngưỡng thờ Mẫu) tổ chức tháng 01/2016, tác giả Đoàn Thị Mỹ Hương đã có bài tham luận “Văn hoá “mặc” của các thanh đồng trong tín ngưỡng thờ

Mẫu ở Việt Nam”, thể hiện sự nghiên cứu về quá trình chuyển đổi sản phẩm từ lễ phục cung đình sang trang phục khăn châu áo ngự của làng nghề Đông Cứu.

2.2. Lịch sử hình thành làng thêu Đông Cứu

Đông Cứu là một làng thuộc Ngũ Xã xưa, gồm các thôn Đông Giai, Đông Cứu, Bình Lãng, Quất Động, nay thuộc xã Dũng Tiến, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội và đều có chung ông tổ nghề thêu là Lê Công Hành (tên thật là Trần Quốc Khái). Ông Lê Công Hành học được nghề thêu khi được cử đi sứ sang nhà Minh, Trung Quốc vào đời Lê Thái Tông (1433–1442). Về nước, ông truyền nghề thêu cho các làng Ngũ Xã (mỗi làng được truyền một kỹ thuật riêng để làm ra các sản phẩm khác nhau: đồ vải thờ; giày, hia, lọng, nón, quạt; khăn áo...). Qua hàng trăm năm lịch sử, Đông Cứu cũng là ngôi làng duy nhất tại Bắc Bộ giữ được lối thêu hoa văn cổ, phục dựng long bào cho quan lại, quý tộc và vua chúa trong triều đình xưa. Công cụ của các thợ lành nghề không quá cầu kỳ và nhiều, nhưng công sức và sự kỳ công được bỏ ra thì vô cùng lớn. Việc thêu trang phục cung đình đòi hỏi những người thợ phải thực sự tỉ mỉ, tập trung và khéo léo. Với những quy tắc khắt khe, mang tính chuẩn mực trong quá trình thêu long bào thì mới có những bộ trang phục phải mất hàng năm để hoàn thành.

Cũng như nhiều làng nghề truyền thống khác, làng thêu Đông Cứu trải qua nhiều bước thăng trầm. Sau thời kỳ phát triển thịnh vượng, đến khoảng những năm 1960–1980, cùng với phong trào chống mê tín dị đoan, nghề thêu có phần bị mai một, các sản phẩm thêu của Đông Cứu bị thu hẹp thị trường đáng kể. Người thợ chuyển sang thêu hàng ga gối, khăn trải bàn xuất sang Đông Âu, thêu áo kimono cho những đơn hàng của Nhật Bản, nhưng số lượng cũng rất heo hắt. Nghề thêu các sản phẩm truyền thống với những lễ lối cổ gần như thất truyền. Sau năm 1986 đến đầu những năm 1990, cơ chế mới mở ra, nghề thêu nói chung và nghề thêu phục vụ tâm linh bắt đầu phát triển trở lại, số thợ thêu bắt đầu quay lại với nghề nhiều hơn. Từ năm 2000 trở lại đây, nhiều đình, đền chùa và các lễ hội ở miền Bắc được phục dựng trở lại. Nhờ vậy, nghề thêu ở Đông Cứu có nhiều khởi sắc, các thợ thêu giỏi đã có xưởng thêu tay tại nhà. Hiện nay, Đông Cứu là một trong những làng giữ được nghề truyền thống với lối thêu, kỹ thuật thêu cổ, chuyên về thêu phục chế áo lễ phục cung đình và phục vụ tâm linh như hia, hài, lọng, tàn tán, trang phục tế, trang phục thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ Tứ phủ.

2.3. Đặc điểm của nghề thêu làng Đông Cứu

Người thợ thêu làng Đông Cứu luôn truyền dạy phải dùng “lối thêu xưa”, tức là luôn theo một quy định chặt chẽ: các mũi thêu phải theo một chiều nhất định, cách rút kim theo hướng nào, kéo chỉ dài bao nhiêu, đâm kim xuống thẳng hay nghiêng... đều phải đúng quy định. Vì những quy định khắt khe nên để có thể thêu được thì người tinh ý cũng

phải mất 3–5 tháng học việc chăm chỉ. Nếu đam mê thì người thợ có thể thêu giỏi sau 3–5 năm, nhưng cũng là giới cho một công đoạn/kỹ thuật thêu mà thôi. Ở Đông Cứu, tiêu chuẩn của mỗi mũi thêu không dài quá 3mm. Có những mũi như bấm, đột hay lại mũi thì mỗi mũi thêu chỉ dài 1mm.

Nguyên liệu dùng trong nghề thêu ở Đông Cứu gồm: các loại vải, chỉ/sợi, bông, rơm, xóp...nguồn gốc trong nước hay ngoại nhập (Trung Quốc, Ấn Độ...). Công cụ gồm: khung chữ nhật và khung tròn, trong đó, khung chữ nhật được dùng phổ biến hơn; các loại kim thêu, bắt nét kim tuyến và thắt thít; bánh vàng dùng cuốn sợi kim tuyến; đê đeo bảo vệ ngón tay, dầu hỏa để in kiểu; phấn vẽ; dùi mút thấm hỗn hợp dầu hỏa và phấn bột để in kiểu; giấy can dùng để chằm kiểu.

Có hai loại kỹ thuật thêu chính là thêu chỉ và thêu kim tuyến (hay còn gọi là thêu bắt vàng). Trong đó, thêu kim tuyến thể hiện bản sắc của nghề thêu truyền thống Đông Cứu. Ngoài ra, Đông Cứu còn nổi tiếng với kinh nghiệm sử dụng kỹ thuật ghêch độn, chênh lẻ vào từng mẫu thêu, giúp cho họa tiết nổi lên, tạo cảm giác 3 chiều sinh động như thật. Có thể chia kỹ thuật thêu Đông Cứu theo tiêu chí chất liệu sợi thêu thành nhóm kỹ thuật thêu kim tuyến và nhóm kỹ thuật thêu chỉ màu.

- Thêu kim tuyến (chặn bắt vàng):

+ Bắt nét kim tuyến: nghệ nhân sử dụng kỹ thuật này để thêu đường bao, đường viền các họa tiết, như móng chân, vẩy rồng, chùm vân, tạo vẩy rồng... Sợi kim tuyến được đặt trên mặt vải, theo đường mẫu có sẵn (sau khi in kiểu) và chặn bằng sợi tơ. Sợi tơ này sẽ được thêu lên xuống để chặn, cố định vị trí của sợi kim tuyến trên nền vải. Điểm đặc biệt cần lưu ý khi thêu bắt nét kim tuyến là sợi tơ và sợi kim tuyến luôn luôn phải vuông góc với nhau, nếu không hình nét sẽ bị méo, lái đường nét chệch khỏi đường in mẫu. Bắt nét kim tuyến vừa để điều chỉnh lỗi thêu không đều, vừa để tăng độ sắc sảo của họa tiết, thường phải do người thợ có tay nghề cứng thực hiện.

+ Nhồi vòng quanh kim tuyến: kỹ thuật này tương tự với thêu bắt nét kim tuyến, dùng để thêu kín họa tiết nhưng để hở một phần giữa không thêu. Người thêu sẽ sử dụng 2–3 sợi kim tuyến xếp song song và sát nhau trên mặt vải và thêu sợi tơ chặn vuông góc. Nếu nhồi 2 sợi kim tuyến thì dùng sợi 14. Nếu nhồi 3 sợi kim tuyến thì dùng sợi 12 (nhỏ hơn). Mỗi mũi thêu chặn kim tuyến cách nhau 1.5mm. Sau khi bao quanh một vòng đường viền, người thêu tiếp tục thực hiện tương tự bao quanh tiếp vòng thứ hai hướng về phía trong của họa tiết. Vòng thứ hai sát với vòng thứ nhất, cứ như thế thực hiện 3 vòng thêu.

+ Nhồi đặc kim tuyến: kỹ thuật này được thực hiện như nhồi vòng quanh. Tuy nhiên, thay vì nhồi 3 vòng thì người thêu phải nhồi đặc 100% họa tiết, dùng trong thêu vân, thêu hoa...

+ Nhòl lộn kim tuyến: thường dùng cho các họa tiết có nhiều đoạn thắt, cong, gấp khúc (thường dùng khi thêu mây) để tránh nhiều lần cắt chỉ. Đây là kỹ thuật rất khó, đòi hỏi người thợ phải có kỹ thuật cao, nhiều kinh nghiệm và có mắt ước lượng tuyệt đối chính xác. Nhòl lộn tương tự như nhòl đặc kim tuyến, chỉ khác là dùng 2 sợi kim tuyến, có đường thêu đi và về. Khi thêu đường thêu đi, người thêu sẽ thêu men theo viền của họa tiết theo vòng xoay tròn ốc từ ngoài vào trong. Mỗi vòng thêu cách nhau vừa đúng một đường rộng bằng 2 sợi kim tuyến. Khi thêu hết đường thêu đi, thợ thêu sẽ lộn trở lại, thêu vào các đường khi nãy để trống và lấp đầy vào chỗ đó. Cái khó của nhòl lộn là thợ thêu phải ước lượng vừa đủ chuẩn khoảng cách các đường thêu sao cho vừa đúng 2 sợi kim tuyến, nếu rộng quá thì họa tiết sẽ bị thùng, không đẹp.

+ Thêu quần: dùng 2 sợi chỉ, một to một nhỏ (gọi là sợi mẹ và sợi con). Người thợ se 2 sợi chỉ vào nhau: sợi mẹ ôm sợi con, cuốn theo như hạt vừng một, đều tăm tắp. Thêu quần dùng để bắt vân mây, rồng, mặt trời, san hô, hay tạo một điểm nhấn nào đó. Quần phải đánh đều thì thêu mới đẹp. Kỹ thuật này không phải ai cũng học được, thực tế kỹ thuật này gần như sắp mất.

+ Thắt thít không nhòl: là một trong những kỹ thuật khó nhất của thêu trang trí họa tiết bằng sợi kim tuyến, thường áp dụng cho các họa tiết như mình rồng, phượng, cá, chim, mái ngói,... Người thêu dùng sợi lẻ được se từ sợi đay, giống như một dây thừng nhỏ để tạo độ cao cho họa tiết, thêu dính vào đường nét của họa tiết. Các sợi lẻ chặn song song trên bề mặt họa tiết, mỗi sợi cách nhau 3mm. Sau đó, dùng 3 sợi kim tuyến thêu chặn lên trên bề mặt sợi lẻ, cứ 2 đường sợi lẻ thì chặn một mũi kim tuyến. Cứ lặp đi lặp lại như vậy cho hết lượt. Từ lượt thứ hai, quay vòng chặn kim tuyến nhưng so le với vòng thứ nhất. Các vòng tiếp theo tương tự như vậy. Kỹ thuật thắt thít đòi hỏi các mũi phải đều nhau, không hở sợi lẻ, co chặt sợi kim tuyến để nổi mũi thít. Đặc biệt, không thắt mũi thít quá dài, như vậy sẽ làm bông mũi thít khi tháo tấm vải ra khỏi khung.

+ Thắt thít nhòl cao: giống kỹ thuật thắt thít không nhòl, nhưng điểm khác là trước khi chằng sợi lẻ, người thợ phải nhòl cao họa tiết bằng rơm, bông để làm nổi cao họa tiết.

Thêu chỉ màu:

+ Móc xoắn: thêu sao cho sợi chỉ nổi lên, sờ được chỉ thành từng 3 xếp một.

+ Thêu bấm: dùng khi thêu một cụm họa tiết tóc rồng hoặc đuôi rồng: bấm mỗi mũi chỉ dài 1mm theo đường song song chéo.

+ Thêu ngang: ở những nơi khác dùng để lát nền một màu nhưng ở Đông Cứu dùng để thêu họa tiết với nhiều màu (vân – mây). Thêu mũi chỉ ngang phải theo một hàng, đều tăm tắp, mũi chỉ có độ dài 3mm, mũi thêu phải bằng nhau. Thêu ngang là kỹ thuật thêu

cơ bản, thêu chính, được thêu cho phần mình của ròng phượng và các họa tiết hoa văn khác. Cái khó của kỹ thuật thêu này là hàng trăm, nghìn mũi đều theo chiều nhất định.

- Một số kỹ xảo tạo sự sinh động cho họa tiết thêu chủ yếu tập trung vào việc tạo sự sinh động của các họa tiết. Đặc biệt, một số kỹ xảo của thêu Đông Cứu cố gắng tạo nên sự sinh động giống như 3D của họa tiết.

+ Nhòì vảy (phượng, ròng, cá...): nghệ nhân nhòì sao cho giữa các vảy với nhau có một khoảng cách là 1mm để thấy rõ từng chiếc vảy. Khi thêu vảy cá, nhòì từng chiếc vảy một, bắt đầu từ đuôi trước. Khi nhòì, vảy nhòì sau sẽ chùì lên vảy nhòì trước để tạo hình ảnh giống như vảy cá thật. Nhòì vảy phượng, mỗi một cái vảy sẽ có một vệt ngang giống như lông ống, nhìn rất sinh động. Nhòì vảy ròng thì nhòì kín, sao cho khi hoàn thiện thì từng vảy nổi lên như thật mà không ghêch độn.

+ Đảo canh chỉ: Để cho họa tiết giống như thật, nghệ nhân tạo độ sáng tối khác nhau của họa tiết khi thay đổi góc độ nhìn, mặc dù dùng cùng một loại chỉ và cùng một màu chỉ bằng cách thêu canh chỉ (hướng chỉ) theo các hướng khác nhau.

+ Nhòì móng ròng: khâu vãi thành hình cái móng, nhòì tóc người hoặc lông đuôi ngựa vào, vê đi vê lại cho tóc chui vào kín các chỗ của móng, cắt bỏ phần thừa của tóc đi. Hiện kỹ thuật này không còn dùng nữa.

+ Ghêch: là kỹ thuật thường dùng khi thêu mép ròng để con ròng trông uy nghi, dữ. Phải có sợi lè ở dưới, sau đó thêu ghêch trùì lên trên giống như những chiếc râu sao cho kín sợi lè.

Có thể chia sản phẩm nghệ thêu ở Đông Cứu như sau:

- Phân chia theo đặc điểm văn hóa của sản phẩm: theo phong cách của Malaysia (với kim tuyến 7 màu), Hồng Công (thêu chỉ và có bắt kim tuyến), áo pháp sư, trang phục truyền thống Trung Quốc, áo thầy cúng dân tộc Sán Dìu,...

- Phân chia theo chức năng sử dụng: trang phục (áo hầu đồng, áo Thành hoàng, quần áo thờ trang), vật dụng thờ (y môn, tàn tán lọng, hia...)

Hiện nay, nghệ thêu ở Đông Cứu đang đi vào ổn định, nhu cầu đặt hàng trong và ngoài nước khá nhiều. Những nghệ nhân Đông Cứu vẫn ngày ngày khẳng định thương hiệu qua từng mũi thêu, từng ngày nâng cao chất lượng sản phẩm. Dù ngày nay có công nghệ thêu máy hiện đại với từng đường chỉ đều tăm tắp, cá sản phẩm thêu tay vẫn được khách hàng ưa chuộng hơn. Một sản phẩm được tạo ra dưới sự chăm chút, cần mẫn từ những đôi tay khéo léo luôn mang đến sự tinh tế, giá trị thẩm mỹ cao. Mỗi sản phẩm làm ra không chỉ để bán mà còn là những tác phẩm nghệ thuật lưu giữ giá trị văn hóa truyền thống cho nhiều thế hệ sau. Với các giá trị tiêu biểu, Nghề thêu truyền thống ở Đông Cứu

được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia tại Quyết định số 4036/QĐ-BVHTTDL ngày 21/11/2016.

2.4. Nghề thêu Đông Cứu trong tương quan với làng nghề lân cận

Hà Tây nằm ở trung tâm vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, từ xa xưa được coi là vùng đất trăm nghề. Người nông dân ở những làng quê yên bình khi ngơi việc đồng áng, với sự cần cù và đôi bàn tay khéo léo đã trở thành những người thợ thủ công thuần thục, tự tay họ đã làm ra những sản phẩm thủ công mỹ nghệ độc đáo. Huyện Thường Tín vốn nổi tiếng là vùng đất với nhiều nghề cổ truyền như nghề tiện, nghề sơn mài, nghề làm bánh dày, nghề dệt đũi tơ tằm, nghề bông len, nghề điêu khắc, nghề mộc, nghề kim khí... Trong số ấy, nghề thêu ở Quất Động vẫn được xem là một nghề lâu đời nhất. Xã Quất Động, tổng Bình Lãng, huyện Thượng Phúc (tức thôn Quất Động, xã Quất Động, huyện Thường Tín, Hà Nội) được nhắc đến trong cuốn Hà Đông tỉnh dư địa chí của J. Rouan (xuất bản năm 1925) với số lượng thợ thêu là 600 người trong tổng số 1290 thợ thêu của tỉnh Hà Đông thời kỳ đó. Con số này tăng lên gấp đôi vào năm 1939, thời kỳ mà nghề thêu ở vùng Quất Động phát triển mạnh. Từ năm 1940 đến trước năm 1956 là giai đoạn nghề thêu bị mai một do ảnh hưởng của chiến tranh. Mãi cho đến sau những năm 1970, hợp tác xã thêu Quất Động mới được thành lập, nghề thêu được nhân rộng ra nhiều xã trong huyện Thường Tín như làng Cổ Chắt, làng Đông Cứu - xã Dũng Tiến, làng Từ Vân - xã Lê Lợi, làng Đình Tô - xã Nguyễn Trãi, làng Bình Lãng, làng Hướng Dương, làng Khoái Nội, làng Đào Xã - xã Thắng Lợi của huyện Thường Tín và làng Nội ở xã Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức.

Sản phẩm của làng thêu Quất Động có những dạng như sau:

- Sản phẩm thuộc nhóm hàng thờ tự: câu đối, y môn, tàn, lọng, cờ, biển, trướng, các loại trang phục cổ truyền, đặc biệt là trang phục sân khấu nghệ thuật tuồng.

- Sản phẩm thuộc nhóm hàng thêu kỹ thuật: tranh thêu (tranh phong cảnh, chân dung...) đa dạng phong cách, tùy vào yêu cầu của khách hàng. Nhóm hàng này không có sự phát triển đa dạng về chủng loại sản phẩm mà vẫn giữ nguyên như thời kỳ đầu xuất hiện.

Như vậy, có thể thấy, làng thêu Quất Động và làng thêu Đông Cứu có cùng một nhóm các sản phẩm thêu thuộc nhóm hàng thờ tự, tuy nhiên, ở làng Đông Cứu có sự phát triển của một nhóm hàng khác dựa vào chính đặc trưng của kỹ thuật thêu chỉ có tại làng này, đó chính là nhóm hàng sản phẩm phục dựng áo lễ phục cung đình triều Nguyễn và nhóm hàng trang phục thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ Tứ phủ. Đó là những tác phẩm đại diện cho tư duy nghệ thuật của di sản văn hoá được tái hiện tính chất bản địa hay giá trị thẩm mỹ của dân tộc, và thể hiện thị hiếu thẩm mỹ, nhu cầu tiêu dùng cũng như phân

ánh những thay đổi về đời sống tinh thần, vật chất của người Việt Nam trong tiến trình phát triển của xã hội đương đại.

Đối với nghề phục dựng trang phục cung đình, nghệ nhân Vũ Văn Giỏi là hậu duệ của gia đình 5 đời làm nghề thêu, bản thân ông đã có hơn 30 năm tìm tòi và phục dựng những cỗ phục triều đình. Ông cũng chính là một trong những người có kỹ thuật thêu tinh xảo nhất tại làng Đông Cúu tại thời điểm hiện tại. Theo nghệ nhân Vũ Văn Giỏi, để phục dựng trang phục cung đình, trước hết phải có vốn hiểu biết về văn hóa thời đó. Sau đó mới đến việc phân tích kỹ các kích thước trang phục, số đo chuẩn mực của vua chúa, quý phi, thái hậu... Rồi phải sắp đặt chi tiết hoa văn, họa tiết cho cân đối, hài hòa. Bây giờ, trình độ người thợ làng nghề có thể thêu được tất cả các họa tiết trên long bào, dù khó đến mấy, nhưng việc phục chế, phục dựng lại một chiếc long bào lại ở một “tầm” khác. Đó là cần phải có bàn tay điêu luyện của người thợ từ khi thực hiện những mũi thêu nhỏ nhất đến khi ghép lại những mảnh áo và hơn hết phải có sự hiểu biết thật sự sâu sắc. Mỗi chiếc áo trung bình dùng hết hơn 14m vải, không phải nhiều người cùng làm một lúc được mà tối đa chỉ 3–4 người cùng làm. Cầu kỳ, tỉ mỉ là thế, nhưng đối với bộ trang phục đơn giản nhất, có đủ hết nguyên liệu, chỉ tập trung vào phục dựng thì bộ áo đơn giản nhất cũng cần 4 thợ thêu làm việc trong khoảng 6 tháng. Còn bộ phức tạp phải huy động tới 7–8 thợ thêu ròng rã 15 tháng, thậm chí có những bộ phải mất hàng năm trời mới hoàn thành. Từ khi phục dựng thành công chiếc măng bào đầu tiên, đến nay, nghệ nhân Vũ Văn Giỏi đã phục chế, phục dựng được gần 30 bộ trang phục cung đình, từ áo nhà vua tới áo hoàng hậu, thái tử, công chúa. Tiêu biểu trong số đó là các bộ long bào của vua Đồng Khánh, Bảo Đại, Tự Đức, trang phục Từ Cung Hoàng thái hậu... Rất nhiều bộ trang phục cung đình được trưng bày tại Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế là do ông trực tiếp làm hoặc có dấu bàn tay phục chế của nghệ nhân. Cho đến nay, tìm khắp ngành nghề thêu cũng chỉ có nghệ nhân Vũ Văn Giỏi phục chế thành công nhiều bộ trang phục của vua, hoàng hậu, hoàng tử xưa kia. Đó chính là cả một quá trình dài cả về không gian và thời gian với khối lượng công việc khổng lồ, đòi hỏi nhiều công sức của người nghệ nhân. Nhờ công phục dựng nghệ thuật thêu cung đình mà nghệ nhân Vũ Văn Giỏi đã được công nhận là Nghệ nhân Ưu tú vào năm 2013 và nhận danh hiệu cao quý Nghệ nhân Nhân dân vào năm 2016.

Từ những năm 2000, khi hoạt động tín ngưỡng (bao gồm các lễ nghi dân gian tiêu biểu có giá trị lịch sử, văn hóa...) không còn bị nhầm lẫn với mê tín dị đoan, nhu cầu hầu đồng nảy nở dẫn tới sự phát triển của nghề làm trang phục hầu đồng tại làng Đông Cúu. Các cơ sở thêu áo châu của làng Đông Cúu đã cung cấp công ăn việc làm cho nhiều lứa tuổi khác nhau, từ thợ thêu lâu năm cho đến thợ trẻ tranh thủ ngày nghỉ để tham gia thêu thùa. Nơi đây, người thợ phải đảm đương nhiều mẫu mã thêu khá cầu kỳ với những đòi hỏi về kỹ thuật chuẩn mực chỉ có riêng tại làng mình. Mặc dù làm theo nhu cầu của người

dùng, song để tạo nên trang phục hầu đồng hợp quy chuẩn, mẫu hoa văn hoạ tiết vẫn phải tuân thủ theo các quy định đối với mỗi trang phục tương ứng ở mỗi giá đồng. Các cơ sở chuyên sản xuất phụ kiện như thêu, sản xuất mũ, hài, hia, đai lưng phục vụ hầu bóng đều phục dựng lại theo mẫu cổ với những hình thêu cầu kỳ. Thị hiếu thẩm mỹ của các thanh đồng ngày càng trở nên cầu kỳ hơn, phần nào giúp chất lượng và mẫu mã sản phẩm ngày càng thêm phong phú, đa dạng.

2.5. Gìn giữ nghề truyền thống trong bối cảnh hiện nay

Nghiên cứu, tìm hiểu nghề thủ công truyền thống của làng Đông Cứu không chỉ là khơi dậy di sản, thành tựu văn hóa của cha ông ta để lại, mà chính yếu là từ truyền thống khéo tay hay nghề cần phải tìm ra các nguyên nhân, các cơ chế vận động, các mối quan hệ sinh thái, xã hội, kinh tế, đối với sự hình thành, tồn tại, biến đổi và phát triển của nó; để rồi từ đó sẽ có những căn cứ giúp ta suy ngẫm, có định hướng chính xác, hoạch định được những chính sách hữu hiệu cho nghề thủ công truyền thống trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chỉ bắt đầu với Đại hội VI “đổi mới tư duy” thủ công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp đô thị cùng công nghiệp nông thôn mới đc quan niệm lại và đưa lên hàng Chiến lược kinh tế, lên mức Chương trình kinh tế lớn... và liên tiếp với nhiều văn bản pháp quy nhằm khuyến khích, phục hồi và phát triển các ngành nghề, từ chỉ thị của UBND Hà Nội số 3234/QĐUB ngày 30 tháng 8 năm 1993, điều 11, khuyến khích phục hồi các ngành nghề thủ công mỹ nghệ dân gian truyền thống đã có trên địa bàn...” hay chỉ thị 25/TTg của Thủ tướng chính phủ ký ngày 19 tháng 1 năm 1993, điều 3, đầu tư 100% cho việc sưu tầm, chỉnh lý biên soạn bảo quản lâu dài, phổ biến các sản phẩm văn hoá tinh thần, gìn giữ các nghề thủ công truyền thống” cho đến các nghị quyết của Đại hội VII Đảng Cộng sản Việt Nam, như báo cáo giữa nhiệm kỳ đã phản ánh và các nghị quyết tiếp theo.

Thực tế cho thấy, đối với các làng nghề, nghề nghiệp đã thấm sâu vào máu thịt của mỗi con người trong cộng đồng, cho nên rất khó mai một. Song nó có thể phát triển mạnh mẽ hay mai một dần đi là tùy thuộc vào cơ chế và chính sách từng thời kỳ. Từ năm 1989 với việc thực hiện cơ chế kinh tế mở, mà hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ, phát huy vai trò của mọi thành phần kinh tế, xoá bỏ cấm chợ ngăn sông, tự do kinh doanh mua bán vật tư, cho phép thuê mướn nhân công lao động... đó chính là động lực thúc đẩy nhiều làng nghề phát triển. Nhiều làng nghề vẫn giữ đc truyền thống nhưng chưa có cơ hội để phát triển mạnh mẽ, vì các mặt hàng sản xuất ra không có thị trường ổn định trong khi khả năng đa dạng kém, đổi mới hoặc cải tiến sản phẩm hay công nghệ lại tương đối chậm. Các làng nghề không chỉ góp phần phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập mà còn giữ gìn, phát huy các giá trị văn hoá dân tộc. Nếu làng nghề mất đi là chúng

ta mất văn hoá. Bởi vậy việc gìn giữ giá trị văn hoá của làng nghề góp phần bảo tồn những giá trị văn hoá của cả dân tộc trong giai đoạn hội nhập quốc tế.

3. KẾT LUẬN

Nghề thủ truyền thống ở Đông Cứu đã góp phần vào việc khôi phục phần nào các mảnh ghép lịch sử thông qua các sản phẩm văn hóa cổ truyền. Ngoài giá trị thẩm mỹ, giá trị văn hóa, các sản phẩm phục chế phần nào đã thể hiện giá trị lịch sử và truyền thống dân tộc. Nghề được kế tục và kết tinh sự sáng tạo của con người qua nhiều thế hệ, đã bảo lưu và lan tỏa các giá trị về kỹ thuật truyền thống và thẩm mỹ, mang lại giá trị kinh tế cao đối với cộng đồng. Bên cạnh đó, nghề thủ còn góp phần gắn kết cộng đồng, xây dựng được giá trị của di sản, lưu giữ giá trị văn hóa truyền thống cho nhiều thế hệ sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Di sản Văn hoá (Bộ VH,TT&DL), *Nghề thủ truyền thống ở Đông Cứu*.
<http://dsvh.gov.vn/nghe-theu-truyen-thong-o-dong-cuu-1317>
2. Đoàn Thị Mỹ Hương (2016), Văn hoá “mặc” của các thanh đồng trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế *Nghiên cứu thực hành tín ngưỡng trong xã hội đương đại (Trò chuyện tín ngưỡng thờ Mẫu)*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.135-141.
3. Nguyễn Đức Toàn (2005), Làng thủ Quất Động, Tạp chí *Di sản Văn hóa* số 4(13) 2005, tr.77-78.
4. Lưu Thị Tuyết Vân (2018), *Vai trò của các làng nghề truyền thống vùng nông thôn Đồng bằng sông Hồng trong 30 năm đổi mới*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
5. Ngọc Vũ (2011), *Tổng tập nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam, Tập 5: Nghề đan lát, nghề thủ, dệt nghề làm giấy, đồ mã và nghề làm tranh dân gian*, Nxb Khoa học, Hà Nội.
6. Trần Quốc Vượng - Đỗ Thị Hào (2000), *Làng nghề phố nghề Thăng Long Hà Nội*, Nxb Hà Nội, Hà Nội.
7. Bùi Văn Vượng (1998), *Làng nghề thủ công truyền thống Việt Nam*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
8. Bùi Văn Vượng (2010), *Bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam, Nghề dệt nghề thủ cổ truyền Việt Nam*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

DONG CUU EMBROIDERY VILLAGE - A DEVELOPMENT MODEL OF TRADITIONAL CRAFTS IN MODERN SOCIETY

Bui Quang Khanh

Abstract: *The article applies the method of researching historical authentication and comparing historical authentication to analyze the uniqueness of hand embroidery art in Dong Cuu craft village. Researching the development process of craft villages in general, and the embroidery craft of Dong Cuu village in particular, is an issue of urgent theoretical and historical significance. Besides the purpose of preserving traditional crafts and contributing to economic development, researching and understanding crafts is not only about arousing the heritage value and cultural achievements of previous generations, the main purpose is to find causes, moving mechanisms, ecological, social, and economic relationships for the formation, existence, change, and development from which can build a foundation of the next development direction for traditional handicrafts in the period of industrialization and modernization of the country.*

Keywords: *traditional embroidery, craft village, cultural heritage*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 12-3-2024; ngày phản biện đánh giá: 09-4-2024; ngày chấp nhận đăng: 28-4-2024)